MES LIGHTING
Products Specification

# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

## MPL024

IP20

© MES JSC 10/2018

## ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

- Điện áp vào: 100-240VAC
- Tần số: 50/60Hz
- Dải công suất: 12W
- Hiệu suất: >85%
- Hệ số công suất: PF ≥0.98
- Bảo vệ: Hở mạch, ngắn mạch đầu ra; quá áp đầu ra (OVP); quá nhiệt (OTP); các chế độ bảo vệ tự động phục hồi (AR)
- Màu sắc ánh sáng: Trắng ấm, trắng tự nhiên, trắng lạnh
- Chỉ số hoàn màu: CRI ≥80
- Vật liệu thân đèn: Hợp kim nhôm
- Màu sắc sản phẩm: Trắng
- Tuổi thọ @ Ta 25°C: 50.000h

## ỨNG DỤNG

- Đèn hình tròn siêu mỏng, dễ dàng lắp đặt âm trần
- Ưu điểm có thể lắp ở khu vực có trần thấp nhưng không gây chói lóa
- Phù hợp để thay thế cho đèn compact, đèn halogen
- Sử dụng cho chiếu sáng nội thất, nhà ở dân dụng, văn phòng, bệnh viện, khách sạn, cửa hàng

| MÃ SẢN PHẨM | KÍCH THƯỚC | CÔNG SUẤT | QUANG THÔNG | MÀU SẮC | NHIỆT ĐỘ MÀU | GÓC CHIẾU |
|---|---|---|---|---|---|---|
| MPL021-004WS658LB6 | Ø85x20 | 4W | 240lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL021-004WS408LB6 | Ø85x20 | 4W | 240lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL021-004WS278LB6 | Ø85x20 | 4W | 220lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |
| MPL022-006WS658LB6 | Ø120x20 | 6W | 430lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL022-006WS408LB6 | Ø120x20 | 6W | 430lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL022-006WS278LB6 | Ø120x20 | 6W | 380lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |
| MPL023-008WS658LB6 | Ø150x20 | 8W | 530lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL023-008WS408LB6 | Ø150x20 | 8W | 530lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL023-008WS278LB6 | Ø150x20 | 8W | 470lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |
| MPL024-012WS658LB6 | Ø172x20 | 12W | 890lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL024-012WS408LB6 | Ø172x20 | 12W | 890lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL024-012WS278LB6 | Ø172x20 | 12W | 790lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |

| MÃ SẢN PHẨM | KÍCH THƯỚC | CÔNG SUẤT | QUANG THÔNG | MÀU SẮC | NHIỆT ĐỘ MÀU | GÓC CHIẾU |
|---|---|---|---|---|---|---|
| MPL025-016WS658LB6 | Ø200x20 | 16W | 1270lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL025-016WS408LB6 | Ø200x20 | 16W | 1270lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL025-016WS278LB6 | Ø200x20 | 16W | 1130lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |
| MPL026-018WS658LB6 | Ø225x20 | 18W | 1340lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL026-018WS408LB6 | Ø225x20 | 18W | 1340lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL026-018WS278LB6 | Ø225x20 | 18W | 1190lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |
| MPL027-024WS658LB6 | Ø300x20 | 24W | 1820lm | Trắng lạnh | 6500K | 120° |
| MPL027-024WS408LB6 | Ø300x20 | 24W | 1820lm | Trắng tự nhiên | 4000K | 120° |
| MPL027-024WS278LB6 | Ø300x20 | 24W | 1620lm | Trắng ấm | 2700K | 120° |

## Thông tin chung

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Kiểu lắp đặt** | Bắt âm trần | **Chu kỳ bật tắt** | 50000 |
| **Kiểu kết nối** | Domino 2 cực tính | **B50L70** | 50000h |
| **Ứng dụng** | Dân dụng | | |
| **Tuổi thọ** | 50000 h | | |

## Thông số về điện

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Điện áp vào** | 100-240VAC | **Hệ số công suất** | >0.98 |
| **Tần số** | 50/60Hz | **Thời gian khởi động** | 0.5 s |
| **Công suất** | 12W | | |
| **Dòng điện @220V** | 55mA | | |

## Thông số về quang

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Nhiệt độ màu** | CCT 6500K/4000K/2700K | **Góc chiếu** | 120° |
| **Quang thông** | 890lm/890lm/790lm | **LLFM @ 50000 h** | 70% |
| **Chỉ số hoàn màu** | >80 | **Chip LED** | Lumileds |
| **Hiệu suất phát quang** | 74lm/W | **Tỉ số S/P** | 2.207/1.642/1.191 |

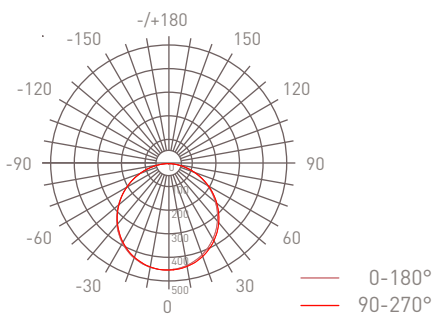


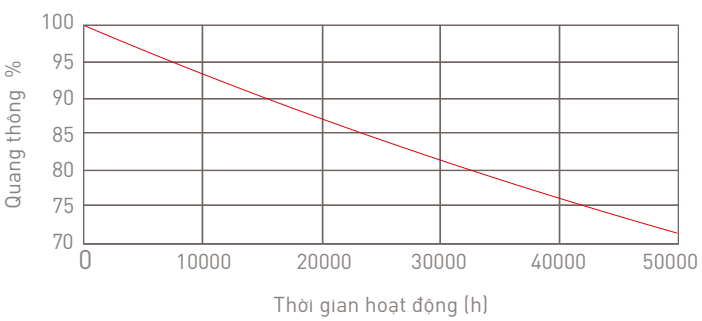




© MES JSC 10/2018

## Nhiệt độ hoạt động

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Nhiệt độ môi trường (Max)** | 45°C | **Nhiệt độ lưu trữ (Min)** | -40°C |
| **Nhiệt độ môi trường (Min)** | -25°C | **Nhiệt độ vỏ đèn (Nom)** | 35°C |
| **Nhiệt độ lưu trữ (Max)** | 65°C | | |

## Điều khiển và dimming

| | |
|---|---|
| **Thay đổi độ sáng** | Không |

## Màu sắc và vật liệu

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Màu sắc sản phẩm** | Trắng | **Vật liệu thân đèn** | Nhôm đúc nguyên khối |
| **Vật liệu tấm che bảo vệ** | Nhựa PMMA | | |
| **Màu sắc tấm che bảo vệ** | Trắng | | |

## Kích thước và trọng lượng

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Kích thước** | Ø172x20mm | **Trọng lượng (N.Weight)** | 350g |

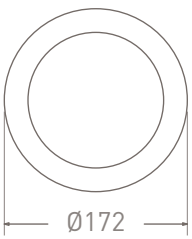


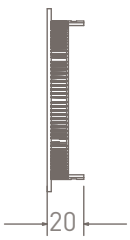


## Sơ đồ lắp đặt

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Đầu nối** | Domino | **Cực tính** | 2 đầu |

## Tiêu chuẩn và chứng nhận

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Cấp bảo vệ** | 0 | **Tiêu chuẩn** | TCVN 8781:2011<br>TCVN 9892:2013<br>TCVN 10485:2015<br>ISO 9001:2015 |
| **IP** | 20 | | |
| **IK** | Không xác định | | |

## Thông tin đóng gói

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Mã sản phẩm** | MPL024-012WS658LB6<br>MPL024-012WS408LB6<br>MPL024-012WS278LB6 | **Mã ENA/UPC** | 8936109020231<br>8936109020675<br>8936109020453 |
| **Kiểu đóng gói** | Hộp giấy, 1 | | |
| **Kích thước** | 212x212x50mm(LxWxH) | | |
| **Trọng lượng (G.Weight)** | 465g | | |

Bảng thông tin kỹ thuật này chỉ để tham khảo, chúng tôi có quyền thay đổi mà không cần thông báo trước. Nếu bạn cần thông tin cập nhật mới nhất, xin vui lòng liên hệ với các đại lý, nhà phân phối hoặc liên hệ với chúng tôi qua website www.mes.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES**
37 Huỳnh Văn Lũy, P. Phú Lợi,
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Tel: 0274 3 557799 - Fax: 0274 3 667799
Email: info@mes.vn - www.mes.vn